

**CÔNG TY CỔ PHẦN
DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH**

**Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016**



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	10
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	11 - 40

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016.

1. Thông tin chung về Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm: Công ty cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh (công ty mẹ) và các công ty con là Công ty cổ phần Cơ khí Ô tô Cần Thơ và Công ty cổ phần Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM.

Công ty mẹ

Công ty cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh ("Công ty") là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ một xí nghiệp của Công ty Cơ khí Ô tô Sài Gòn (nay là Tổng Công ty Cơ khí Ô tô Sài Gòn) theo Quyết định số 6418/QĐ-UB-KT ngày 15 tháng 10 năm 1999 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302000126, đăng ký lần đầu ngày 17 tháng 5 năm 2000 và đăng ký thay đổi lần thứ 19 ngày 08 tháng 12 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Cổ phiếu của Công ty (mã chứng khoán là HAX) được niêm yết trên Sàn giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép số 113/UBCK-GPNY ngày 13 tháng 12 năm 2006 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Trụ sở chính của Công ty:

- Địa chỉ : 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Điện thoại : 08. 35120026
- Fax : 08. 35120025

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh của Công ty gồm:

- Đại lý mua bán phụ tùng các loại;
- Mua bán phụ tùng, máy móc, thiết bị chuyên ngành ô tô;
- Dịch vụ cứu hộ xe ô tô;
- Đại lý bảo hiểm;
- Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng, bảo hành các loại ô tô;
- Đại lý mua bán xe ô tô;
- Đóng mới thùng xe các loại; sản xuất các chi tiết và phụ tùng cho xe có động cơ (trừ rên, đúc, cán kéo kim loại, dập cắt, gò, hàn sơn, tái chế phế thải kim loại và xi mạ điện);
- Cho thuê xe ô tô;
- Thiết kế, cải tạo phương tiện xe cơ giới đường bộ;
- Kinh doanh bất động sản;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.

Các công ty con

Tên công ty	Trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty cổ phần Cơ khí Ô tô Cần Thơ	Số 102 Cách Mạng Tháng Tám, phường Cái Khế, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ	Mua bán phụ tùng và dịch vụ sửa chữa xe	76,20%	76,20%	76,20%
Công ty cổ phần Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM	Số 256, đường Kim Giang, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội	Mua bán phụ tùng và dịch vụ sửa chữa xe	92,72%	92,72%	92,72%

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

2. Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của công ty mẹ trong năm tài chính này và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày từ nhiệm
Ông Lê Quang Định	Chủ tịch	19 tháng 1 năm 2013	28 tháng 3 năm 2016
Ông Đỗ Tiến Dũng	Chủ tịch	28 tháng 3 năm 2016	-
Ông Lê Văn Hiệp	Thành viên	06 tháng 5 năm 2013	-
Bà Tăng Thị Thu Lý	Thành viên	06 tháng 5 năm 2013	04 tháng 4 năm 2016
Bà Vũ Thị Hạnh	Thành viên	24 tháng 3 năm 2015	-
Bà Đỗ Ngọc Thùy Trang	Thành viên	28 tháng 3 năm 2016	-
Ông Trần Quốc Hải	Thành viên	09 tháng 4 năm 2016	-

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày từ nhiệm
Bà Trần Thị Ngọc Phương	Trưởng ban	06 tháng 5 năm 2013	09 tháng 4 năm 2016
Bà Hoàng Thị Minh Nguyệt	Trưởng ban	09 tháng 4 năm 2016	-
Bà Đặng Thị Phương Loan	Thành viên	06 tháng 5 năm 2013	09 tháng 4 năm 2016
Bà Lê Thị Mỹ Chi	Thành viên	09 tháng 4 năm 2016	-
Bà Nguyễn Thị Hồng	Thành viên	09 tháng 4 năm 2016	-

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày từ nhiệm
Ông Đỗ Tiến Dũng	Tổng Giám đốc	06 tháng 5 năm 2013	-
Ông Trần Quốc Hải	Phó Tổng Giám đốc	01 tháng 10 năm 2013	-
Bà Chu Thị Ngọc Huyền	Giám đốc Tài chính kiểm Kế toán trưởng	19 tháng 01 năm 2013	-

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của công ty mẹ trong năm tài chính này và cho đến ngày lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Đỗ Tiến Dũng	Tổng Giám đốc	06 tháng 5 năm 2013

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

6. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh (công ty mẹ) đối với Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất.
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

7. Phê duyệt các báo cáo tài chính hợp nhất

Chúng tôi phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cùng với bản thuyết minh đính kèm cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.


Thay mặt Hội đồng Quản trị

Ông ĐỖ TIẾN DŨNG
Chủ tịch Hội đồng quản trị

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 3 năm 2017

Số : 096/2017/BCKTHN-HCM.00561

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý cổ đông
Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh và các công ty con (gọi tắt là "Tập đoàn"), được lập ngày 14 tháng 3 năm 2017, từ trang 05 đến trang 40, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



TRANG ĐẮC NHA
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2111-2013-009-1
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 3 năm 2017


PHẠM THỊ NGỌC LIÊN
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1180-2014-009-1

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		662.907.910.155	362.970.994.360
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	40.587.968.665	22.571.386.257
Tiền	111		35.087.968.665	22.571.386.257
Các khoản tương đương tiền	112		5.500.000.000	-
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		214.631.244.737	73.964.901.407
Phải thu ngắn hạn khách hàng	131	5.2	191.120.035.279	58.891.420.601
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	21.123.536.095	14.260.922.491
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.4	3.000.000.000	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5.1	401.046.589	1.478.164.382
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.6	(1.017.289.495)	(665.606.067)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		3.916.269	-
Hàng tồn kho	140	5.7	389.642.559.251	253.096.260.928
Hàng tồn kho	141		389.642.559.251	253.096.260.928
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		18.046.137.502	13.338.445.768
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8.1	817.866.890	831.975.180
Thuế GTGT được khấu trừ	152		16.581.063.925	11.910.946.721
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.14	647.206.687	595.523.867
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		198.093.108.678	78.748.500.788
Các khoản phải thu dài hạn	210		22.000.000	8.000.000
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
Phải thu dài hạn khác	216	5.5.2	22.000.000	8.000.000
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
Tài sản cố định	220		127.333.708.257	72.845.946.386
Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	111.714.847.168	61.197.579.586
Nguyên giá	222		156.980.333.751	96.045.346.175
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(45.265.486.583)	(34.847.766.589)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227	5.10	15.618.861.089	11.648.366.800
Nguyên giá	228		16.245.960.569	12.273.516.280
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(627.099.480)	(625.149.480)
Bất động sản đầu tư	230		-	-
Nguyên giá	231		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
Tài sản dở dang dài hạn	240		4.106.431.811	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.11	4.106.431.811	-
Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		66.630.968.610	5.894.554.402
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8.2	4.665.022.674	4.725.633.494
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
Lợi thế thương mại	269	5.12	61.965.945.936	1.168.920.908
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		861.001.018.833	441.719.495.148

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		555.760.079.570	311.234.247.785
Nợ ngắn hạn	310		554.439.048.341	310.523.551.992
Phải trả người bán	311	5.13	146.986.490.293	126.112.879.055
Người mua trả tiền trước	312	5.14	51.016.959.697	20.535.877.780
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.15	4.705.699.990	4.249.563.012
Phải trả người lao động	314		9.003.875.593	6.740.352.866
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.16	2.727.342.239	3.794.421.323
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.17	2.153.192.700	1.895.365.742
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.18	337.832.227.081	147.195.092.214
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		13.260.748	-
Quỹ bình ổn giá	323		-	-
Giao dịch mua lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
Nợ dài hạn	330		1.321.031.229	710.695.793
Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
Phải trả dài hạn khác	337		-	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	5.19	1.321.031.229	710.695.793
Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
VÓN CHỦ SỞ HỮU	400		305.240.939.263	130.485.247.363
Vốn chủ sở hữu	410		305.240.939.263	130.485.247.363
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	5.20	142.315.340.000	111.161.690.000
<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	411a		142.315.340.000	111.161.690.000
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	411b		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412	5.20	63.704.711.919	635.620.600
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
Cổ phiếu ngân quỹ	415		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418	5.20	7.686.197.246	4.309.225.692
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
Lợi nhuận chưa phân phối	421	5.20	87.768.528.036	13.170.124.166
<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	421a		9.793.152.612	(15.197.628.226)
<i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>	421b		77.975.375.424	28.367.752.392
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	5.21	3.766.162.062	1.208.586.905
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
Nguồn kinh phí	432		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VÓN	440		861.001.018.833	441.719.495.148



NGUYỄN ĐĂNG NGỌC LAM
Người lập biểu



CHU THỊ NGỌC HUYỀN
Giám đốc Tài chính
kiêm Kế toán trưởng



ĐỖ TIÊN DŨNG
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 3 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	2.879.522.090.032	1.820.962.014.143
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	140.262.143
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		2.879.522.090.032	1.820.821.752.000
Giá vốn hàng bán	11	6.2	2.779.876.741.604	1.768.340.368.462
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		99.645.348.428	52.481.383.538
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	582.099.765	172.524.341
Chi phí tài chính	22	6.4	12.319.316.505	5.183.619.459
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		<i>12.072.898.978</i>	<i>5.183.619.459</i>
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
Chi phí bán hàng	25	6.5	58.855.040.097	35.935.322.140
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	23.213.102.655	18.819.910.365
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		5.839.988.936	(7.284.944.085)
Thu nhập khác	31	6.7	91.755.258.771	46.075.165.875
Chi phí khác	32		1.015.434.890	1.581.298.505
Lợi nhuận khác	40		90.739.823.881	44.493.867.370
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		96.579.812.817	37.208.923.285
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.15	17.886.798.052	8.214.407.353
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	6.8	610.335.436	710.695.793
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		78.082.679.329	28.283.820.139
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		77.975.375.424	28.800.476.988
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		107.303.905	(516.656.849)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		6.480	2.591



NGUYỄN ĐĂNG NGỌC LAM
Người lập



CHU THỊ NGỌC HUYỀN
Giám đốc Tài chính
kiêm Kế toán trưởng



ĐỖ TIẾN DŨNG
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 3 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**(theo phương pháp gián tiếp)**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

	Mã số	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	96.579.812.817	37.208.923.285
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	02	15.218.349.193	8.620.309.937
Các khoản dự phòng/ (hoàn nhập)	03	10.513.588	(1.163.784.191)
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	(82.272.850)
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(4.381.895.677)	(266.852.910)
Chi phí lãi vay	06	12.072.898.978	5.183.619.459
Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động	08	119.499.678.899	49.499.942.730
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(127.093.169.902)	(19.368.440.506)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(130.457.515.099)	(142.302.017.698)
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11	48.931.505.342	79.730.651.209
(Tăng)/ giảm chi phí trả trước	12	2.270.535.739	(3.753.225.490)
Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
Tiền lãi vay đã trả	14	(12.661.614.720)	(5.281.735.873)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(17.329.023.940)	(5.368.371.913)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	-	(15.300.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(116.839.603.681)	(46.858.497.541)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(126.020.078.304)	(68.722.211.235)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22	60.207.771.125	37.553.621.821
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của ĐV khác	24	2.000.000.000	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(589.150.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	7.642.805.169	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	561.371.413	68.967.944
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(55.608.130.597)	(31.688.771.470)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu	32	(172.818.181)	-
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	1.314.720.416.303	655.184.369.388
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.124.083.281.436)	(567.202.888.244)
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	190.464.316.686	87.981.481.144
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM	50	18.016.582.408	9.434.212.133
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM	60	22.571.386.257	13.137.174.124
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	70	40.587.968.665	22.571.386.257

NGUYỄN ĐĂNG NGỌC LAM

Người lập

CHU THỊ NGỌC HUYỀNGiám đốc Tài chính
kiểm Kế toán trưởng**ĐỖ TIẾN DUNG**Tổng Giám đốc
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 3 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh hợp nhất này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

Tập đoàn bao gồm: Công ty cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh (công ty mẹ) và các công ty con là Công ty cổ phần Cơ khí Ô tô Cần Thơ và Công ty Cổ phần Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM.

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty mẹ

Công ty cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh ("Công ty") là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ một xí nghiệp của Công ty Cơ khí Ô tô Sài Gòn (nay là Tổng Công ty Cơ khí Ô tô Sài Gòn) theo Quyết định số 6418/QĐ-UB-KT ngày 15 tháng 10 năm 1999 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302000126, đăng ký lần đầu ngày 17 tháng 5 năm 2000 và các Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi sau đó, với lần đăng ký thay đổi gần đây nhất là lần thứ 20 ngày 19 tháng 10 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Cổ phiếu của Công ty (mã chứng khoán là HAX) được niêm yết trên Sàn giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép số 113/UBCK-GPNY ngày 13 tháng 12 năm 2006 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Trụ sở chính của Công ty:

- Địa chỉ : 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh.
- Điện thoại : 08. 35120026
- Fax : 08. 35120025

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn là hoạt động thương mại và dịch vụ.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Đại lý mua bán phụ tùng các loại;
- Mua bán phụ tùng, máy móc, thiết bị chuyên ngành ô tô;
- Dịch vụ cứu hộ xe ô tô;
- Đại lý bảo hiểm;
- Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng, bảo hành các loại ô tô;
- Đại lý mua bán xe ô tô;
- Đóng mới thùng xe các loại; sản xuất các chi tiết và phụ tùng cho xe có động cơ (trừ rên, đúc, cán kéo kim loại, dập cắt, gò, hàn sơn, tái chế phế thải kim loại và xi mạ điện);
- Cho thuê xe ô tô;
- Thiết kế, cải tạo phương tiện xe cơ giới đường bộ;
- Kinh doanh bất động sản;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.

Trong năm 2016, hoạt động chính của Tập đoàn là kinh doanh xe, mua bán phụ tùng và dịch vụ sửa chữa xe.

1.4 Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Tập đoàn không quá 12 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

1.5 Cấu trúc của Tập đoàn

Tập đoàn gồm Công ty cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh ("công ty mẹ"), Công ty cổ phần Cơ khí Ô tô Cần Thơ và Công ty cổ phần Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM ("công ty con").

Danh sách công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty cổ phần Cơ khí Ô tô Cần Thơ	Số 102 Cách Mạng Tháng Tám, phường Cái Khế, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.	Mua bán phụ tùng và dịch vụ sửa chữa xe.	76,20%	76,20%	76,20%
Công ty cổ phần Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM	Số 256, đường Kim Giang, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội	Mua bán phụ tùng và dịch vụ sửa chữa xe.	92,72%	92,72%	92,72%

1.1 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

1.6 Số lượng nhân viên

Số lượng nhân viên của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 420 người (vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 317 người).

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn được bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND").

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính, thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh (công ty mẹ) (gọi tắt là "Công ty") và các công ty con bao gồm: Công ty cổ phần Cơ khí Ô tô Cần Thơ (công ty con) và Công ty cổ phần Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM (công ty con) cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty con đã được lập cùng kỳ báo cáo tài chính với Công ty theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Tập đoàn. Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và công ty con là giống nhau.

Công ty con được hợp nhất hoàn toàn kể từ ngày Công ty nắm quyền kiểm soát và sẽ chấm dứt hợp nhất kể từ ngày Công ty không còn kiểm soát công ty con đó. Trong trường hợp Công ty không còn nắm quyền kiểm soát công ty con thì các báo cáo tài chính hợp nhất sẽ bao gồm cả kết quả hoạt động kinh doanh của giai đoạn thuộc kỳ báo cáo mà trong giai đoạn đó Công ty vẫn còn nắm quyền kiểm soát.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông không kiểm soát vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông không kiểm soát có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó. Nếu sau đó công ty con có lãi, khoản lãi đó sẽ được phân bổ vào lợi ích của Tập đoàn cho tới khi phần lỗ trước đây do Tập đoàn gánh chịu được bồi hoàn đầy đủ.

4.3 Hợp nhất kinh doanh

Hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua, cộng (+) các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh.

Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng của bên bị mua được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày mua.

Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá phí hợp nhất kinh doanh và phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận là lợi thế thương mại. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian sử dụng hữu ích là 10 năm.

Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá phí hợp nhất kinh doanh và phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính phát sinh hoạt động mua.

4.4 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.5 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác với VND được quy đổi ra VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Vào thời điểm cuối kỳ kế toán, số dư các tài sản bằng tiền và công nợ có gốc là đơn vị tiền tệ khác với VND được quy đổi ra VND theo tỷ giá của ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam công bố vào ngày này.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch đánh giá lại cuối kỳ được ghi nhận vào doanh thu tài chính hoặc chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4.6 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.7 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá trị ghi sổ trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán. Các khoản tăng hoặc giảm dự phòng này được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

4.8 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp giá thực tế đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

4.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn bao gồm các chi phí sau:

- Chi phí trả trước ngắn hạn là chi phí sửa chữa, bảo trì và công cụ dụng cụ xuất dùng. Chi phí trả trước ngắn hạn sẽ được phân bổ dần trong thời gian 12 tháng kể từ khi phát sinh.
- Chi phí trả trước dài hạn là chi phí công cụ dụng cụ và chi phí sửa chữa được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong khoảng thời gian 36 tháng kể từ khi phát sinh.

4.10 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của một tài sản cố định bao gồm giá mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào sử dụng. Những chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được chuyển hóa thành tài sản cố định, những chi phí bảo trì và sửa chữa được ghi vào chi phí của năm hiện hành.

Khi bán hay thanh lý tài sản, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được xóa sổ trong các báo cáo tài chính và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian hữu ích ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25 năm
Máy móc thiết bị	5 - 20 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 - 10 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 - 10 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	3 - 10 năm

4.11 Tài sản thuê hoạt động

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phát sinh trong suốt thời gian thuê theo phương pháp đường thẳng.

4.12 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất. Nguyên giá của quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra để có được quyền sử dụng đất tại 331K, 331H, 333/4 và 335C Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh. Các quyền sử dụng đất này không xác định thời hạn nên không tính khấu hao.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 4 năm.

4.13 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn với người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ và tài sản đã nhận được từ người bán nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ.

4.14 Tiền lương

Tiền lương phân bổ vào chi phí trong kỳ được căn cứ vào mức lương và các khoản phụ cấp đã được thỏa thuận trên hợp đồng lao động, phụ lục hợp đồng lao động, quy chế và quy định về lương thường của các công ty trong Tập đoàn.

4.15 Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn

Tập đoàn trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn như sau:

- Bảo hiểm xã hội được trích trên tiền lương theo hợp đồng lao động vào chi phí là 18% và trừ lương cán bộ công nhân viên là 8%.
- Bảo hiểm y tế được trích trên lương vào chi phí là 3% và trừ vào lương cán bộ công nhân viên là 1,5%.
- Bảo hiểm thất nghiệp được trích trên lương vào chi phí là 1% và trừ vào lương cán bộ công nhân viên là 1%.
- Kinh phí công đoàn được trích trên lương vào chi phí là 2%.

4.16 Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

4.17 Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

4.18 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như khoản lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn; do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ; do đánh giá lại các công cụ tài chính và các khoản mục tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.19 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Tập đoàn đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

4.20 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

Chi phí đi vay khác được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

4.21 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Các công ty trong Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Các báo cáo thuế của các công ty trong Tập đoàn sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

4.22 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty mẹ cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

4.23 Báo cáo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

4.24 Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm có tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm có các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

4.25 Các bên có liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động. Các bên cũng được coi là liên quan nếu cùng được kiểm soát hoặc cùng chịu sự ảnh hưởng đáng kể của một bên thứ ba.

Các công ty/ đối tượng sau đây được xem là các bên có liên quan:

Công ty/ đối tượng	Quan hệ
Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn-TNHH một thành viên (Samco) (*)	Cổ đông đại diện vốn Nhà nước
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc	Thành viên chủ chốt

(*) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn - TNHH một thành viên (Samco) không còn là bên liên quan tại Tập đoàn.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền mặt tồn quỹ – VND	5.849.720.193	3.296.659.654
Tiền gửi ngân hàng – VND	29.238.248.472	19.270.320.212
Tiền gửi ngân hàng – USD	-	4.406.391
Các khoản tương đương tiền (*)	5.500.000.000	-
	40.587.968.665	22.571.386.257

(*) Là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gửi dưới 03 tháng, lãi suất tiền gửi là 4,8%/năm.

5.2 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Phải thu bên liên quan		
Chi nhánh Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn – TNHH Một thành viên		
Phải thu thương mại	-	710.046.260
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác		
Công ty TNHH Mercedes Benz Việt Nam	40.293.054.637	4.585.099.235
Phải khu khách hàng khác	150.826.980.642	53.596.275.106
	191.120.035.279	58.891.420.601

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH
 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

5.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
<i>Trả trước cho các tổ chức và cá nhân khác</i>		
Công ty TNHH Nhựa Phước Thành (*)	7.843.977.847	8.713.743.123
Công ty TNHH Mercedes Benz Việt Nam	153.631.492	4.608.115.619
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại tổng hợp Khang Minh	2.937.215.100	-
Trả trước cho người bán khác	10.188.711.656	939.063.749
	21.123.536.095	14.260.922.491

(*) Đây là khoản ứng trước cho Công ty TNHH Nhựa Phước Thành theo hợp đồng thuê mặt bằng số 22/HĐTMB/PT-HAX ngày 05 tháng 7 năm 2010.

5.4 Phải thu về cho vay ngắn hạn

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
<i>Phải thu các cá nhân khác</i>		
Cho Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy vay với lãi suất 6,00%/năm (*)	3.000.000.000	-
	3.000.000.000	-

(*) Hợp đồng cho vay tiền số 300916/HĐV-PTM ngày 30 tháng 09 năm 2016 giữa Công ty cổ phần Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM và Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy: Số tiền cho vay 3.500.000.000 VND; Thời hạn cho vay là 01 năm kể từ ngày 30 tháng 09 năm 2016; Lãi suất cho vay 6,00%/năm; Biện pháp đảm bảo tiền vay là tín chấp. Số dư nợ gốc vay đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2016 là 3.000.000.000 VND.

5.5 Phải thu ngắn hạn, dài hạn khác

5.5.1 Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<i>Phải thu tổ chức và cá nhân khác</i>				
Văn phòng đại diện – Công ty TNHH Đầu tư AP Việt Nam	-	-	852.900.000	-
Tạm ứng nhân viên	-	-	3.000.000	-
Ký cược, ký quỹ	-	-	-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	401.046.589	-	622.264.382	-
	401.046.589	-	1.478.164.382	-

5.5.2 Phải thu dài hạn khác

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<i>Phải thu các tổ chức khác</i>				
Các khoản phải thu dài hạn khác	22.000.000	-	8.000.000	-
	22.000.000	-	8.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

5.6 Nợ xấu

	Thời gian quá hạn	31/12/2016		Thời gian quá hạn	01/01/2016	
		Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND		Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Các tổ chức và cá nhân khác						
Công ty TNHH Đầu tư Bộ Ba <i>Phải thu thương mại</i>	<i>Trên 3 năm</i>	35.045.295	-	<i>Từ 2 năm- dưới 3 năm</i>	35.045.296	10.513.589
Công ty CP ĐT XD PVV Sài Gòn <i>Phải thu thương mại</i>	<i>Trên 3 năm</i>	105.454.400	-	<i>Trên 3 năm</i>	105.454.400	-
Công ty cổ phần Minh Thắng <i>Phải thu thương mại</i>	<i>Trên 3 năm</i>	447.577.960	-	<i>Trên 3 năm</i>	447.577.960	-
Bà Nguyễn Thị Đình Chiến <i>Phải thu thương mại</i>	<i>Trên 3 năm</i>	45.350.000	-	<i>Trên 3 năm</i>	45.350.000	-
Bà Võ Thị Thu Phương <i>Phải thu thương mại</i>	<i>Trên 3 năm</i>	42.692.000	-	<i>Trên 3 năm</i>	42.692.000	-
Công ty CP sản xuất và chuyển giao công nghệ Việt Nam TBI <i>Phải thu thương mại</i>	<i>Trên 3 năm</i>	41.987.000	-	-	-	-
Công ty Xuất Nhập Khẩu Vật Tư Kỹ Thuật <i>Phải thu thương mại</i>	<i>Trên 3 năm</i>	68.800.000	-	-	-	-
Công ty Hợp doanh DMC - FER <i>Phải thu thương mại</i>	<i>Trên 3 năm</i>	53.650.000	-	-	-	-
Các đối tượng khác <i>Phải thu thương mại</i>	<i>Trên 3 năm</i>	219.608.220	42.875.380	-	-	-
		1.060.164.875	42.875.380		676.119.656	10.513.589

Tình hình thay đổi dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Số dư đầu năm	(665.606.067)	(661.390.258)
Trích lập dự phòng trong năm	(351.683.428)	(4.215.809)
Số dư cuối năm	(1.017.289.495)	(665.606.067)

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH
 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

5.7 Hàng tồn kho

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	43.542.820.855	-	39.583.487.364	-
Công cụ, dụng cụ	479.000	-	479.000	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	5.420.437.824	-	2.008.522.265	-
Hàng hóa (*)	340.678.821.572	-	211.503.772.299	-
Cộng	389.642.559.251	-	253.096.260.928	-

(*) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, giá trị ghi sổ của hàng hóa được dùng thế chấp đảm bảo cho các khoản vay tại ngân hàng là 326.583.856.885 VND (vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 132.695.028.213 VND) – Xem thêm mục 5.18.

5.8 Chi phí trả trước

5.8.1 Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Chi phí sửa chữa văn phòng	488.394.332	344.925.406
Chi phí bảo trì phần mềm	58.666.667	58.666.667
Công cụ dụng cụ	270.805.891	419.465.988
Chi phí khác	-	8.917.119
	817.866.890	831.975.180

5.8.2 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Chi phí sửa chữa văn phòng	2.531.643.972	1.096.377.397
Công cụ, dụng cụ	2.133.378.702	3.574.916.097
Chi phí thuê server FPT	-	54.340.000
	4.665.022.674	4.725.633.494

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

5.9 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Cộng VND
Nguyên giá						
Vào ngày 01/01/2016	42.550.511.788	15.239.420.049	34.822.949.986	1.686.656.012	1.745.808.340	96.045.346.175
Tăng do mua công ty con PTM	6.812.409.247	1.412.651.755	-	35.816.000	-	8.260.877.002
Tăng do mua mới trong năm	7.341.137.624	2.141.677.500	119.245.067.517	620.444.251	288.172.198	129.636.499.090
Giảm do thanh lý	(4.093.705.193)	(1.126.782.313)	(61.104.513.609)	(95.633.700)	(32.636.364)	(66.453.271.179)
Giảm do hưởng chiết khấu từ Mercedes Benz Việt Nam	-	-	(10.454.007.596)	-	-	(10.454.007.596)
Tăng/(giảm) khác	54.479.360	(221.425.780)	(431.741)	213.855.130	(101.586.710)	(55.109.741)
Vào ngày 31/12/2016	52.664.832.826	17.445.541.211	82.509.064.557	2.461.137.693	1.899.757.464	156.980.333.751
Giá trị hao mòn lũy kế						
Vào ngày 01/01/2016	21.480.135.476	9.902.538.735	1.830.567.281	1.053.111.062	581.414.035	34.847.766.589
Khấu hao tăng do mua công ty con PTM	3.308.781.736	1.071.756.364	-	35.816.000	-	4.416.354.100
Khấu hao trong năm	4.660.168.494	2.451.553.562	8.179.973.033	375.408.264	194.853.780	15.861.957.132
Giảm do thanh lý	(2.853.275.927)	(952.778.084)	(5.842.787.445)	(95.633.700)	(32.636.364)	(9.777.111.520)
Phân loại lại	116.452.622	(71.857.305)	-	-	(44.595.317)	-
Tăng/(giảm) khác	184.379.737	(221.434.220)	(28.791.135)	250.343.135	(267.977.235)	(83.479.718)
Vào ngày 31/12/2016	26.896.642.138	12.179.779.052	4.138.961.734	1.619.044.761	431.058.899	45.265.486.583
Giá trị còn lại						
Vào ngày 01/01/2016	21.070.376.312	5.336.881.314	32.992.382.705	633.544.950	1.164.394.305	61.197.579.586
Vào ngày 31/12/2016	25.768.190.688	5.265.762.159	78.370.102.824	842.092.933	1.468.698.565	111.714.847.168
Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:						
Vào ngày 01/01/2016	7.336.407.362	3.092.818.261	536.820.338	1.138.839.870	168.160.167	12.273.045.998
Vào ngày 31/12/2016	13.654.677.310	9.236.334.188	536.820.338	1.290.366.176	135.523.803	24.853.721.815

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

5.10 Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Vào ngày 01/01/2016	11.646.416.800	627.099.480	12.273.516.280
Tăng trong năm	-	3.972.444.289	3.972.444.289
Vào ngày 31/12/2016	11.646.416.800	4.599.543.769	16.245.960.569
Giá trị hao mòn lũy kế			
Vào ngày 01/01/2016	-	625.149.480	625.149.480
Khấu hao trong năm	-	1.950.000	1.950.000
Vào ngày 31/12/2016	-	627.099.480	627.099.480
Giá trị còn lại			
Vào ngày 01/01/2016	11.646.416.800	1.950.000	11.648.366.800
Vào ngày 31/12/2016	11.646.416.800	3.972.444.289	15.618.861.089
Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:			
Vào ngày 01/01/2016	-	510.099.480	510.099.480
Vào ngày 31/12/2016	-	627.099.480	627.099.480

5.11 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	01/01/2016	Phát sinh tăng trong năm	Kết chuyển giảm khác	31/12/2016
Công trình Chi nhánh Võ Văn Kiệt	-	304.104.525	(304.104.525)	-
Công trình xây dựng nhà xưởng dịch vụ tại 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh	-	2.719.164.271	-	2.719.164.271
Showroom Autohaus 256 Kim Giang	-	1.387.267.540	-	1.387.267.540
	-	4.410.536.336	(304.104.525)	4.106.431.811

5.12 Lợi thế thương mại

	Giá trị VND
Tại ngày 01/01/2015	1.688.315.083
Phân bổ vào chi phí trong năm (Ô tô Cơ khí Cần Thơ)	(519.394.175)
Tại ngày 31/12/2015	1.168.920.908
Tại ngày 01/01/2016	1.168.920.908
Tăng do đầu tư vào công ty con (PTM)	62.888.635.080
Phân bổ vào chi phí trong năm (Ô tô Cơ khí Cần Thơ)	(519.394.175)
Phân bổ vào chi phí trong năm (PTM)	(1.572.215.877)
Tại ngày 31/12/2016	61.965.945.936

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH
 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

5.13 Phải trả người bán

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác				
Công ty TNHH Mercedes- Benz Việt Nam	139.295.275.647	139.295.275.647	118.645.485.423	118.645.485.423
Phải trả người bán khác	7.691.214.646	7.691.214.646	7.467.393.632	7.467.393.632
	146.986.490.293	146.986.490.293	126.112.879.055	126.112.879.055

Nợ quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có nợ ngắn hạn quá hạn chưa thanh toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2015.

5.14 Người mua trả tiền trước

Các khoản trả trước của khách hàng là các khoản ứng trước tiền mua xe ô tô và dịch vụ sửa chữa xe, được chi tiết như sau:

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Trả trước của các khách hàng khác		
Công Ty Cổ Phần Cơ Khí và Thương Mại BPV Việt Nam	-	3.000.000.000
Các khách hàng khác	51.016.959.697	17.535.877.780
	51.016.959.697	20.535.877.780

5.15 Thuế và các khoản phải thu, phải trả Nhà nước

	01/01/2016		Số phát sinh trong năm		31/12/2016	
	Phải nộp VND	Phải thu VND	Số phải nộp VND	Số phát sinh giảm VND	Phải nộp VND	Phải thu VND
Thuế giá trị gia tăng tiêu thụ nội địa	132.752.115	(18.741.677)	617.781.366	(517.190.926)	233.342.555	(18.741.677)
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	-	132.026.429	(161.136.769)	-	(29.110.340)
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	118.652.548	(118.652.548)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	3.695.773.411	(4.465.499)	17.886.798.052	(17.385.627.317)	4.253.547.523	(61.068.876)
Thuế thu nhập cá nhân	353.190.616	-	1.739.594.308	(1.874.337.871)	218.809.912	(362.859)
Tiền thuê đất	-	(572.316.691)	1.012.669.942	(978.276.186)	-	(537.922.935)
Các loại thuế khác	-	-	8.000.000	(8.000.000)	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	67.846.870	-	42.727.937	(110.574.807)	-	-
Cộng	4.249.563.012	(595.523.867)	21.558.250.582	(21.153.796.424)	4.705.699.990	(647.206.687)

(*) Thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh giảm trong năm bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm là (17.329.023.940) VND và số thuế phải thu đầu năm của Công ty con PTM là (56.603.377) VND.

Thuế giá trị gia tăng

Các công ty trong Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng hoa hồng môi giới bảo hiểm là 0%, hàng tiêu thụ trong nước như bán xe Ô tô, bán phụ tùng, dịch vụ sửa chữa xe là 10%.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Thuế xuất, nhập khẩu

Các công ty trong Tập đoàn kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo Luật số 32/2013/QH13 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2013, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông là 20% áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	96.579.812.817	37.208.923.285
Điều chỉnh giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	(3.616.689.148)	(334.578.565)
Thu nhập chịu thuế	92.963.123.669	36.874.344.720
Lỗ các năm trước được chuyển	(625.501.372)	-
Thu nhập tính thuế	92.337.622.297	36.874.344.720
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	22%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm	18.467.524.459	8.112.355.838
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	(580.726.407)	102.051.515
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	17.886.798.052	8.214.407.353
5.16 Chi phí phải trả ngắn hạn	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Chi phí phải trả tổ chức và cá nhân khác		
Chi phí lãi vay	50.000.000	148.868.056
Chi phí vận chuyển	16.381.810	201.275.454
Chi phí đăng ký xe	1.529.758.180	370.983.636
Chi phí thu hồi cho G Class trip	239.494.980	-
Chi phí giá vốn bán xe trích trước	-	2.293.456.783
Chi phí khác	891.707.269	779.837.394
	2.727.342.239	3.794.421.323
5.17 Các khoản phải trả ngắn hạn khác		
5.17.1 Phải trả ngắn hạn khác	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác		
Kinh phí công đoàn	212.279.178	80.763.300
Bảo hiểm xã hội, y tế và thất nghiệp	24.384.587	123.436.095
Cổ tức phải trả	86.875.200	86.875.200
Nhận ký quỹ của Công ty Bảo Việt Sài Gòn	200.000.000	200.000.000
Hàng thừa chờ xử lý	-	12.640.835
Phải trả do thu hộ tiền bảo hiểm	1.335.397.954	880.258.481
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	294.255.781	511.391.831
	2.153.192.700	1.895.365.742
5.17.2 Nợ quá hạn chưa thanh toán		

Tập đoàn không có nợ ngắn hạn quá hạn chưa thanh toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2015.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

5.18 Vay ngắn hạn

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác:				
Vay ngắn hạn ngân hàng(*)	337.832.227.081	337.832.227.081	132.695.092.214	132.695.092.214
• Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Đa	-	-	5.824.760.799	5.824.760.799
• Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Sài Gòn	92.985.973.482	92.985.973.482	74.665.977.263	74.665.977.263
• Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương	189.329.709.986	189.329.709.986	52.204.354.152	52.204.354.152
• Ngân hàng Hồng Kông và Thương Hải (HSBC)	8.760.766.700	8.760.766.700	-	-
• Ngân hàng Quốc Tế VIB – Quận 2, Tp. Hồ Chí Minh	46.755.776.913	46.755.776.913	-	-
Vay ngắn hạn tổ chức khác	-	-	9.000.000.000	9.000.000.000
Vay ngắn hạn của cá nhân	-	-	5.500.000.000	5.500.000.000
	337.832.227.081	337.832.227.081	147.195.092.214	147.195.092.214

(*) Các khoản vay ngắn hạn tại các ngân hàng để kinh doanh xe ô tô với lãi suất theo từng thời điểm vay. Các khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp các chứng từ hàng hóa là xe ô tô – xem thêm mục 5.7.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	01/01/2016	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	31/12/2016
	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn ngân hàng	132.695.092.214	1.314.720.416.303	(1.109.583.281.436)	337.832.227.081
Vay ngắn hạn các tổ chức khác	9.000.000.000	-	(9.000.000.000)	-
Vay ngắn hạn các cá nhân khác	5.500.000.000	-	(5.500.000.000)	-
	147.195.092.214	1.314.720.416.303	(1.124.083.281.436)	337.832.227.081

Vay quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

5.19 Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến các khoản dự phòng tổn thất đầu tư vào các công ty con phát sinh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Chi tiết phát sinh như sau:

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Tại ngày đầu năm	710.695.793	-
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh hợp nhất	610.335.436	710.695.793
Tại ngày cuối năm	1.321.031.229	710.695.793

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả là 20% (năm trước thuế suất là 20%).

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

5.20 Vốn chủ sở hữu (“CSH”)**5.20.1 Bảng biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của CSH VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư 01/01/2015	111.161.690.000	635.620.600	4.309.225.692	(15.179.135.226)	100.927.401.066
Lãi trong năm	-	-	-	28.800.476.988	28.800.476.988
Chênh lệch giữa giá trị đầu tư vào công ty con tăng thêm so với giá trị tài sản thuần của cổ đồng không kiểm soát chuyển nhượng	-	-	-	(432.724.596)	(432.724.596)
Giảm khác	-	-	-	(18.493.000)	(18.493.000)
Số dư 31/12/2015	111.161.690.000	635.620.600	4.309.225.692	13.170.124.166	129.276.660.458
Số dư 01/01/2016	111.161.690.000	635.620.600	4.309.225.692	13.170.124.166	129.276.660.458
Tăng vốn trong năm (*)	31.153.650.000	-	-	-	31.153.650.000
Thặng dư vốn cổ phần	-	63.069.091.319	-	-	63.069.091.319
Lãi trong năm	-	-	-	77.975.375.424	77.975.375.424
Trích lập quỹ	-	-	3.376.971.554	(3.376.971.554)	-
Số dư 31/12/2016	142.315.340.000	63.704.711.919	7.686.197.246	87.768.528.036	301.474.777.201

(*) Thông qua phương án phát hành cổ phiếu để hoán đổi lấy cổ phiếu phổ thông tự do chuyển nhượng thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty cổ phần Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM (sau đây gọi tắt là “PTM”) theo tờ trình số 01/2016/TTr-HĐQT ngày 19 tháng 03 năm 2016 và Nghị Quyết Đại hội cổ đông thường niên số 01/2016/NQ-ĐHĐCĐ ngày 09 tháng 04 năm 2016. Theo đó, sau khi hoàn thành phát hành, HAX đã trở thành công ty mẹ của PTM, sở hữu 92,72% vốn góp của PTM.

Chi tiết phương án phát hành như sau:

- Loại cổ phiếu phát hành: Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND/Cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu phát hành: 3.115.365 cổ phiếu
- Đối tượng phát hành: Cổ đông của PTM (ngoại trừ cổ đông chính là HAX)
- Tỷ lệ hoán đổi cổ phần: PTM : HAX = 10 : 8 (nghĩa là 10 cổ phiếu PTM được đổi 8 cổ phiếu HAX).

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (đăng ký thay đổi lần thứ 20, ngày 19 tháng 10 năm 2016) do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, vốn điều lệ của Công ty mẹ là 142.315.340.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

5.20.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Cổ đông	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị vốn góp VND	Tỷ lệ %	Giá trị vốn góp VND	Tỷ lệ %
Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn – TNHH một thành viên	-	-	36.277.240.000	32,63
Ông Đỗ Tiến Dũng	19.789.540.000	13,91	19.789.540.000	17,80
Bà Vũ Thị Hạnh	18.554.570.000	13,04	7.554.570.000	6,80
Công ty TNHH Nhựa Phước Thành	11.915.380.000	8,37	11.915.380.000	10,72
Ông Hoàng Đức Hùng	8.389.330.000	5,89	-	-
Ông Hoàng Đức Thành	8.092.300.000	5,69	-	-
Cổ đông khác	75.574.220.000	53,10	35.624.960.000	32,05
	142.315.340.000	100,00	111.161.690.000	100,00

5.20.3 Cổ phiếu

	31/12/2016	01/01/2016
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	14.231.534	11.116.169
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	14.231.534	11.116.169
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	14.231.534	11.116.169
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	14.231.534	11.116.169
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	14.231.534	11.116.169
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

5.21 Lợi ích của cổ đông thiểu số

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Số đầu năm	1.208.586.905	1.882.434.906
Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế của cổ đông thiểu số	107.303.905	(516.656.849)
Giá trị tài sản thuần tại công ty con tương ứng phần vốn đã chuyển nhượng	2.450.271.252	(156.425.404)
Điều chỉnh giảm khác	-	(765.748)
Số cuối năm	3.766.162.062	1.208.586.905

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

5.22 Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**5.22.1 Tài sản thuê ngoài**

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang theo các thời hạn như sau:

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Từ 1 năm trở xuống	5.841.018.719	5.435.434.871
Trên 1 năm đến 5 năm	13.919.188.513	17.334.125.849
Trên 5 năm	17.555.432.160	9.176.740.282
	37.315.639.392	31.946.301.002

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động bao gồm:

Tại Công ty mẹ

- Theo Thông báo số 9100/TB-CT ngày 05 tháng 10 năm 2015 của Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh, tổng số tiền thuê 2.090 m² đất tại số 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh với giá thuê là 2.408 VND/m²/tháng từ ngày 16 tháng 5 năm 2015 đến ngày 16 tháng 5 năm 2020. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn từ ngày 17 tháng 5 năm 2000 đến ngày 01 tháng 01 năm 2046; và
- Công ty đi thuê tại 46 Láng Hạ, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội theo hợp đồng thuê số 1502/2015/LK/IMI-HAXACO ngày 15 tháng 02 năm 2015, thời hạn thuê 05 năm kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2015 với giá thuê như sau:
 - + Nhà xưởng trung tâm dịch vụ máy công cụ và sân bãi: 1.500.000.000 VND/năm; và
 - + Showroom, văn phòng làm việc: 180.000 USD/năm.

Tại Công ty con – Công ty Cổ phần Cơ khí Ô tô Cần Thơ

- Căn cứ theo hợp đồng thuê đất số 130.HĐ/TP ngày 6 tháng 10 năm 2003, diện tích đất thuê là 7.467,20 m² tại số 102, đường Cách Mạng Tháng Tám, quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ và Theo Quyết định số 196/QĐ-UBND của Ủy ban Nhân dân Thành phố Cần Thơ ngày 20 tháng 01 năm 2014 thu hồi đất cho thuê, theo đó Công ty còn thuê lại diện tích đất là 3.913,79 m² với giá thuê là 743.344.992 VND/năm. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 40 năm tính từ ngày 05 tháng 9 năm 2003.

5.22.2 Tài sản nhận giữ hộ

	Số lượng	31/12/2016 VND	Số lượng	01/01/2016 VND
	Cái		Cái	
Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi		281.445.000		281.445.000
<i>Bộ Mut-III</i>	1	26.235.000	1	26.235.000
<i>Trụ nâng</i>	4	165.360.000	4	165.360.000
<i>Cầu nâng</i>	1	26.000.000	1	26.000.000
<i>Thiết bị pha sơn</i>	1	63.850.000	1	63.850.000

5.22.3 Ngoại tệ các loại

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Ngoại tệ các loại - USD	-	211,51

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH
 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Doanh thu kinh doanh xe	2.684.123.459.411	1.666.231.247.117
Doanh thu dịch vụ sửa chữa và bán phụ tùng	192.353.930.438	146.402.708.781
Doanh thu hoạt động khác	3.044.700.183	8.328.058.245
	2.879.522.090.032	1.820.962.014.143
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Chiết khấu thương mại	-	(140.262.143)
	-	(140.262.143)
Doanh thu thuần	2.879.522.090.032	1.820.821.752.000

6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Giá vốn kinh doanh xe	2.603.560.151.014	1.622.892.617.067
Giá vốn dịch vụ sửa chữa và bán phụ tùng	175.955.375.219	139.927.864.698
Giá vốn hoạt động khác	361.215.371	6.687.886.697
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(1.168.000.000)
	2.779.876.741.604	1.768.340.368.462

6.3 Doanh thu tài chính

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng, tiền cho vay	582.099.765	68.967.944
Lãi chênh lệch tỷ giá	-	103.556.397
	582.099.765	172.524.341

6.4 Chi phí tài chính

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí lãi vay	12.072.898.978	5.176.584.846
Chi phí tài chính khác	246.417.527	7.034.613
	12.319.316.505	5.183.619.459

6.5 Chi phí bán hàng

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí nhân viên bán hàng	22.031.501.382	13.367.480.387
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.382.851.217	4.711.315.043
Chi phí thuê kho bãi, mặt bằng, bảng hiệu, thuê khác	8.296.981.801	5.416.243.425
Chi phí bán hàng khác	18.143.705.697	12.440.283.285
	58.855.040.097	35.935.322.140

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí nhân viên quản lý	10.927.096.772	8.717.414.312
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.181.258.156	1.174.644.270
Chi phí lợi thế thương mại	2.107.513.968	519.394.175
Chi phí trích lập/(hoàn nhập) dự phòng	(104.410.255)	30.685.734
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	8.101.644.014	8.377.771.874
	23.213.102.655	18.819.910.365

6.7 Thu nhập khác

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	4.603.665.370	1.455.867.647
Thu nhập từ tiền thưởng đạt chỉ tiêu bán hàng, chiết khấu và hỗ trợ từ Mercedes Benz Việt Nam	83.205.931.221	43.158.430.196
Thu nhập khác	3.945.662.180	1.460.868.032
	91.755.258.771	46.075.165.875

6.8 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) hoãn lại

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ trích lập/(hoàn nhập) dự phòng đầu tư vào Công ty cổ phần Ô tô Cơ khí Cần Thơ	(496.549.873)	416.711.024
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ trích lập/(hoàn nhập) dự phòng cho Công ty cổ phần Ô tô Cơ khí Cần Thơ vay tiền	(360.000.000)	180.000.000
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ trích lập/(hoàn nhập) dự phòng phải thu lãi cho vay Công ty cổ phần Ô tô Cơ khí Cần Thơ	(136.969.537)	113.984.769
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ trích lập dự phòng đầu tư vào Công ty cổ phần Sản xuất Thương mại và Dịch vụ PTM	1.603.854.846	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	610.335.436	710.695.793

6.9 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

		Năm 2016	Năm 2015
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	VND	77.975.375.424	28.800.476.988
Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty	VND	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	VND	77.975.375.424	28.800.476.988
Số lượng cổ phiếu phổ thông của Công ty đang lưu hành bình quân trong năm	CP	12.033.471	11.116.169
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VND/CP	6.480	2.591

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

6.10 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí mua hàng hóa là xe và phụ tùng	2.616.466.395.346	1.623.966.546.360
Chi phí nguyên vật liệu	126.488.348.447	112.924.095.021
Chi phí nhân công	53.028.718.119	39.951.347.468
Chi phí khấu hao tài sản cố định	15.218.349.193	8.620.309.937
Chi phí lợi thế thương mại	2.107.513.968	519.394.175
Chi phí dịch vụ mua ngoài	27.027.184.179	13.864.603.463
Chi phí khác	26.209.666.457	21.925.723.756
	2.866.546.175.709	1.821.772.020.180

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**7.1 Các giao dịch không bằng tiền****7.2 Tiền thu từ đi vay**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	1.314.720.416.303	655.184.369.388
	1.314.720.416.303	655.184.369.388

7.3 Tiền trả nợ gốc vay

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	1.124.083.281.436	567.202.888.244
	1.124.083.281.436	567.202.888.244

8. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Tập đoàn có các tài sản tài chính như các khoản cho vay, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Tập đoàn. Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn chủ yếu bao gồm các khoản nợ vay, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm duy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Tập đoàn.

Tập đoàn chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Tập đoàn. Tập đoàn đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức độ hợp lý giữa chi phí khi rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro nhằm đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

i. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, và các khoản vay của Tập đoàn.

Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Tập đoàn và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỉ giá hối đoái. Tập đoàn chịu rủi ro do sự thay đổi của tỉ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Tập đoàn.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Tập đoàn nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của các cổ phiếu đầu tư. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu. Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

ii. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Tập đoàn có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Tập đoàn thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Tập đoàn xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Tập đoàn tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Tập đoàn có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Tập đoàn chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Tập đoàn theo chính sách của Tập đoàn. Rủi ro tín dụng tối đa của Tập đoàn đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Tập đoàn nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

iii. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Tập đoàn sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tập đoàn giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Tập đoàn và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Tập đoàn dựa trên các khoản thanh toán dự kiến trên hợp đồng cơ sở chưa được chiết khấu:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Cộng VND
Ngày 31 tháng 12 năm 2016			
Phải trả người bán	146.986.490.293	-	146.986.490.293
Chi phí phải trả	2.727.342.239	-	2.727.342.239
Các khoản phải trả khác	1.860.518.513	-	1.860.518.513
Vay	337.832.227.081	-	337.832.227.081
	489.406.578.126	-	489.406.578.126
Ngày 31 tháng 12 năm 2015			
Phải trả người bán	126.112.879.055	-	126.112.879.055
Chi phí phải trả	3.794.421.323	-	3.794.421.323
Các khoản phải trả khác	1.591.650.312	-	1.591.650.312
Vay	147.195.092.214	-	147.195.092.214
	278.694.042.904	-	278.694.042.904

Tập đoàn cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tập đoàn có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

Tài sản đảm bảo

Tập đoàn đã cầm cố hàng hóa tồn kho là xe ô tô của mình vào các khoản vay (Thuyết minh số 5.7 và 5.18).

Tập đoàn không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và 31 tháng 12 năm 2015.

iv. Giá trị hợp lý

So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2016 VND	31/12/2015 VND	31/12/2016 VND	31/12/2015 VND
Tài sản tài chính				
Tiền và tương đương tiền	40.587.968.665	22.571.386.257	40.587.968.665	22.571.386.257
Phải thu khách hàng	191.120.035.279	58.891.420.601	190.102.745.784	58.225.814.534
Phải thu về cho vay	3.000.000.000	-	3.000.000.000	-
Các khoản phải thu khác	251.191.170	1.486.164.382	251.191.170	1.486.164.382
	234.959.195.114	82.948.971.240	233.941.905.619	82.283.365.173
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người bán	146.986.490.293	126.112.879.055	146.986.490.293	126.112.879.055
Chi phí phải trả	2.727.342.239	3.794.421.323	2.727.342.239	3.794.421.323
Các khoản phải trả khác	1.860.518.513	1.591.650.312	1.860.518.513	1.591.650.312
Vay	337.832.227.081	147.195.092.214	337.832.227.081	147.195.092.214
	489.406.578.126	278.694.042.904	489.406.578.126	278.694.042.904

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Tập đoàn chưa đánh giá lại các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính theo giá trị hợp lý do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2015, giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tương ứng với giá trị ghi sổ của các khoản mục này. Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng giá trị hợp lý của những tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

v. Phòng ngừa rủi ro

Tập đoàn không áp dụng chính sách kế toán phòng ngừa rủi ro.

9. CÁC THÔNG TIN KHÁC

9.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

9.1.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính - kiêm kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tập đoàn không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Tiền lương, thù lao và thu nhập khác	3.296.165.310	2.980.710.000

9.1.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Giao dịch với các bên liên quan khác

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn – TNHH Một thành viên		
Doanh thu bán hàng và sửa chữa xe	-	7.604.117.970

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày trong các thuyết minh ở Mục 5.2.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

9.2 Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

Các chi phí chung được phân bổ cho từng bộ phận dựa theo tỷ lệ phần trăm doanh thu của từng bộ phận.

9.2.1 Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động kinh doanh của Tập đoàn chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

9.2.2 Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Tập đoàn có các lĩnh vực kinh doanh chính sau :

- Lĩnh vực kinh doanh xe
- Lĩnh vực dịch vụ sửa chữa xe, bán phụ tùng và khác.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực kinh doanh xe VND	Lĩnh vực dịch vụ sửa chữa xe, bán phụ tùng và khác VND	Cộng VND
Năm 2016			
Doanh thu thuần bán hàng, cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	2.684.123.459.411	195.398.630.621	2.879.522.090.032
Doanh thu thuần bán hàng, cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.684.123.459.411	195.398.630.621	2.879.522.090.032
Giá vốn hàng bán theo bộ phận	(2.603.648.628.314)	(176.228.113.290)	(2.779.876.741.604)
Lãi gộp theo bộ phận	80.474.831.097	19.170.517.331	99.645.348.428
Các chi phí phân bổ theo bộ phận	(54.120.413.068)	(4.734.627.029)	(58.855.040.097)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh theo bộ phận	26.354.418.029	14.435.890.302	40.790.308.331
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(23.213.102.655)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			17.577.205.676
Doanh thu hoạt động tài chính			582.099.765
Chi phí tài chính			(12.319.316.505)
Thu nhập khác			91.755.258.771
Chi phí khác			(1.015.434.890)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(17.886.798.052)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			(610.335.436)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			78.082.679.329

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Thông tin về kết quả kinh doanh theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

	Lĩnh vực kinh doanh xe VND	Lĩnh vực dịch vụ sửa chữa xe, bán phụ tùng và khác VND	Cộng VND
Năm 2015			
Doanh thu thuần bán hàng, cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	1.666.231.247.117	154.590.504.883	1.820.821.752.000
Doanh thu thuần bán hàng, cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.666.231.247.117	154.590.504.883	1.820.821.752.000
Giá vốn hàng bán theo bộ phận	(1.621.724.617.067)	(146.615.751.395)	(1.768.340.368.462)
Lãi gộp theo bộ phận	44.506.630.050	7.974.753.488	52.481.383.538
Các chi phí phân bổ theo bộ phận	(32.884.359.251)	(3.050.962.889)	(35.935.322.140)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh theo bộ phận	11.622.270.799	4.923.790.599	16.546.061.398
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(18.819.910.365)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			(2.273.848.967)
Doanh thu hoạt động tài chính			172.524.341
Chi phí tài chính			(5.183.619.459)
Thu nhập khác			46.075.165.875
Chi phí khác			(1.581.298.505)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(8.214.407.353)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			(710.695.793)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			28.800.476.988

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Kinh doanh xe VND	Dịch vụ sửa chữa, bán phụ tùng, khác VND	Cộng VND
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	578.406.948.936	137.517.629.009	715.924.577.945
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận	-	-	145.076.440.888
Tổng tài sản	578.406.948.936	137.517.629.009	861.001.018.833
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	516.984.054.184	33.385.758.577	550.369.812.761
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận	-	-	5.390.266.809
Tổng nợ phải trả	516.984.054.184	33.385.758.577	555.760.079.570
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	311.167.864.039	62.368.581.662	373.536.445.701
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận	-	-	68.893.745.240
Tổng tài sản	311.167.864.039	62.368.581.662	442.430.190.941
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	275.582.613.038	21.278.701.886	296.861.314.924
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận	-	-	14.372.932.861
Tổng nợ phải trả	275.582.613.038	21.278.701.886	311.234.247.785

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

9.3 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.



NGUYỄN ĐĂNG NGỌC LAM
Người lập



CHU THỊ NGỌC HUYỀN
Giám đốc Tài chính
kiêm Kế toán trưởng



ĐỖ TIẾN DŨNG
Tổng Giám đốc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 3 năm 2017

